

THÔNG BÁO

**Về việc nộp học phí và đình chỉ đăng ký học tập
học viên cao học khóa CH13 và khóa cũ còn nợ học phí**

Căn cứ Quyết định số 1238/QĐ-ĐHDL ngày 28/05/2025 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Điện lực.

Căn cứ vào tiến độ đào tạo các khóa học cao học, đến nay nhiều học viên các lớp cao học khóa CH13 và khóa cũ (có danh sách kèm theo) còn nợ học phí, Nhà trường yêu cầu học viên khẩn trương hoàn thành nghĩa vụ nộp học phí trước ngày 07/7/2026. Học viên nộp tiền theo thông tin sau:

- Nộp bằng hình thức Online tại cổng thông tin <http://sv.epu.edu.vn>
- Nộp bằng hình thức chuyển khoản:

Tên đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Điện lực

Số tài khoản: 2150 963 658 - Tại ngân hàng: BIDV Chi nhánh Cầu Giấy

Nội dung chuyển tiền: Họ và tên, lớp ..., nộp học phí đợt..., năm học ...

- Đến ngày 07/7/2026 học viên không hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp học phí, Nhà trường sẽ đình chỉ đăng ký học tập một học kỳ kế tiếp của kỳ còn nợ học phí (theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Điện lực)./.

Nhà trường yêu cầu học viên có tên trong danh sách nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Học viên (để t/h);
- Phòng QL Đào tạo (phối hợp t/h);
- Lưu: VT, KHTC, Thủy NT (01).



Đinh Văn Châu

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NỢ HỌC PHÍ

(kèm theo Thông báo số: 2323/TB-ĐHDL ngày 29 tháng 6 năm 2026)

STT	Mã học viên	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	Số tiền nợ	Ghi chú
1	22CH5020005	Nguyễn Hồng	Hạnh	CH10-QLNL1	13.044.000	Nợ HK2 năm học 2024-2025
2	22CH5020006	Phạm Huy	Hoàng	CH10-QLNL1	13.044.000	Nợ HK2 năm học 2024-2025
3	22CH5020011	Mai Quang	Hung	CH10-QLNL1	15.168.000	Nợ HK2 năm học 2024-2025, HK1 năm 2025-2026
4	22CH5020028	Phùng Thế	Anh	CH10-QLNL2	8.696.000	Nợ HK2 năm học 2024-2025
5	22CH5020033	Nguyễn Hồng	Đại	CH10-QLNL2	8.696.000	Nợ HK2 năm học 2024-2025
6	22CH5020036	Nguyễn Phương	Đông	CH10-QLNL3	17.392.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
7	22CH5020037	Nông Thanh	Tùng	CH10-QLNL3	32.560.000	Nợ HK2 năm học 2024-2025, HK1, 2 năm 2025-2026
8	23CH5020003	Phan Nhật	Minh	CH11-QLNL1	3.412.500	Nợ HK 2 năm 2025-2026
9	23CH5020004	Vũ Thanh	Tùng	CH11-QLNL1	3.412.500	Nợ HK 2 năm 2025-2026
10	23CH5020006	Bùi Minh	Sang	CH11-QLNL1	5.182.500	Nợ HK 2 năm 2025-2026
11	23CH5020007	Phạm Nguyễn Phương	Linh	CH11-QLNL1	36.285.000	Nợ HK1, 2 năm học 2024-2025
12	23CH5020008	Kiều Văn	Trung	CH11-QLNL1	5.182.500	Nợ HK 2 năm 2025-2026
13	23CH5020011	Trịnh Mỹ	Hạnh	CH11-QLNL1	3.412.500	Nợ HK 2 năm 2025-2026
14	23CH5350001	Phan Văn	Thọ	CH11-KTNL1	10.365.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
15	24CH3010002	Hoàng Đức	Kiên	CH12-QTKD1	35.226.000	Nợ HK1,2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
16	24CH3010004	Chu Trung	Hiếu	CH12-QTKD1	19.711.000	Nợ HK1,2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
17	24CH0000002	Vũ Xuân	Quý	CH12-QLCN1	21.771.000	Nợ HK 2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
18	24CH5030011	Trần Quang	Minh	CH12-KTDT1	24.921.000	Nợ HK1 năm học 2024-2025, HK1 năm 2025-2026
19	24CH5010006	Nguyễn Nhân	Thuận	CH12-KTĐ1	8.380.000	Nợ HK1 năm học 2024-2025
20	24CH3010005	Đinh Hồng Thu	Phương	CH12-QTKD1	2.673.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
21	24CH5350004	Mai Hồng	Quân	CH12-KTNL2	44.391.000	Nợ HK1,2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
22	24CH5010010	Trần Quốc	Việt	CH12-KTĐ2	9.558.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
23	24CH5010011	Dương Thành	Công	CH12-KTĐ2	39.426.000	Nợ HK1 năm học 2024-2025, HK1 năm 2025-2026
24	24CH0000007	Nguyễn Huy	Hoàng	CH12-CNTT2	24.426.000	Nợ HK 2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
25	24CH5010013	Đỗ Thành	Chính	CH12-KTĐ2	3.186.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
26	24CH5010014	Vũ Việt	Linh	CH12-KTĐ2	24.957.000	Nợ HK 2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
27	24CH3010012	Bùi Trọng	Hoàng	CH12-QTKD2	2.673.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026

STT	Mã học viên	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	Số tiền nợ	Ghi chú
28	24CH5010016	Nguyễn Duy	Khánh	CH12-KTĐ2	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
29	24CH5020012	Phạm Thị Như	Mai	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
30	24CH5020013	Nguyễn Công	Tình	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
31	24CH5020014	Nguyễn Quang	Anh	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
32	24CH5020015	Nguyễn Thị Huyền	Trang	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK 2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
33	24CH5020016	Vũ Kiều	Trang	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
34	24CH0000011	Nguyễn Văn	Thành	CH12-CNTT3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
35	24CH0000012	Trần Hoàng	Dương	CH12-CNTT3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
36	24CH5020017	Nguyễn Gia	Bảo	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
37	24CH5010021	Lê Tấn	Thắng	CH12-KTD3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
38	24CH3010017	Lê Xuân	Bách	CH12-QTKD3	18.711.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
39	24CH5020019	Nguyễn Trọng	Son	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
40	24CH5010022	Nguyễn Đức	Long	CH12-KTD3	42.621.000	Nợ HK 2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
41	24CH0000013	Nguyễn Anh	Đức	CH12-CNTT3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
42	24CH0000014	Phạm Thanh	Phong	CH12-CNTT3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
43	24CH0000015	Nguyễn Thị	Thảo	CH12-CNTT3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
44	24CH0000016	Nguyễn Đức	Quang	CH12-CNTT3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
45	24CH5010023	Phạm Tuấn	Linh	CH12-KTD3	42.621.000	Nợ HK 2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
46	24CH5020020	Ngô Hữu	Quang	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
47	24CH5020021	Lê Quốc	Anh	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
48	24CH5020022	Nguyễn Văn	Công	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
49	24CH5020023	Trần Minh	Anh	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
50	24CH5020024	Vũ Đức Tiến	Anh	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
51	24CH5010024	Bùi Đình	Hiếu	CH12-KTD3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
52	24CH5020025	Nguyễn Thu	Trang	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
53	24CH5030015	Nguyễn Bá	Lâm	CH12-KTDT3	7.575.000	Nợ HK1,2 năm học 2024-2025
54	24CH5010026	Hoàng Thanh	Bình	CH12-KTD3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
55	24CH5020026	Nguyễn Yến	Nhi	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
56	24CH0000017	Trần Minh	Thành	CH12-CNTT3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
57	24CH5020027	Hoàng Quốc	Việt	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
58	24CH5020028	Đậu Tiến	Dũng	CH12-QLNL3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
59	24CH0000018	Lê Hoàng Tấn	Dũng	CH12-CNTT3	19.116.000	Nợ HK1 năm học 2025-2026
60	24CH5020029	Lê Thanh	Hiền	CH12-QLNL3	22.286.000	Nợ HK1,2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
61	24CH3010025	Chu Tiến	Mạnh	CH12-QTKD3	36.711.000	Nợ HK1,2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
62	24CH3010026	Nguyễn Thị Mai	Lý	CH12-QTKD3	36.711.000	Nợ HK1,2 năm học 2024-2025, HK 1 năm 2025-2026
63	25CH0000003	Trần Ngọc	Huy	CH13-TCNH1	20.780.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
64	25CH0000016	Vương Tuấn	Anh	CH13-CNTT1	31.645.000	Nợ HK1, 2 năm học 2025-2026

STT	Mã học viên	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	Số tiền nợ	Ghi chú
65	25CH0000017	Lê Hùng	Thắng	CH13-QLCN1	26.117.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
66	25CH5350003	Trần Hậu	Phong	CH13-KTNL1	26.450.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
67	25CH0000020	Nguyễn Việt	Dũng	CH13-CNTT2	23.488.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
68	25CH5160009	Lê Thế	Anh	CH13-DKTDH2	11.988.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
69	25CH0000024	Đào Anh	Vũ	CH13-CNTT2	23.488.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
70	25CH0000026	Phạm Ngọc	Pha	CH13-QLCN2	21.745.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
71	25CH0000027	Trần Thị	Trinh	CH13-CNTT2	23.488.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
72	25CH0000028	Hà Đức	Tùng	CH13-CNTT2	23.488.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
73	25CH5030002	Nguyễn Phi	Trọng	CH13-KTDT2	23.488.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
74	25CH0000031	Nguyễn Thị Phương	Hạnh	CH13-CNTT2	23.488.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
75	25CH5160011	Hoàng Huy	Hoàng	CH13-DKTDH2	22.338.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
76	25CH5160014	Nguyễn Trung	Kiên	CH13-DKTDH2	22.338.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026
77	25CH5160015	Lê Quốc	Trường	CH13-DKTDH2	22.338.000	Nợ HK 2 năm 2025-2026